

PMR
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

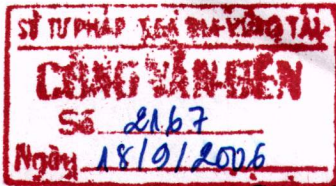
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2721 /2006/QĐ-UBND

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 9 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành "Quy định về việc tuyển chọn, xét duyệt tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học và công nghệ và dự án sản xuất thử nghiệm của tỉnh"



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 16/2003/QĐ-BKHHCN ngày 18/7/2003 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc ban hành Quy định về việc tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học và công nghệ và dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 20/2005/QĐ-BKHHCN ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc sửa đổi, bổ sung các Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 11 và Điều 13 của Quy định về việc tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học và công nghệ và dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-BKHHCN ngày 18/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Theo đề nghị của ông Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tại Tờ trình số: 250/TTr/SKHHCN ngày 7 tháng 7 năm 2006 về việc ban hành "Quy định về việc tuyển chọn, xét duyệt tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học và công nghệ và dự án sản xuất thử nghiệm của tỉnh".

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành "Quy định về việc tuyển chọn, xét duyệt tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học và công nghệ và dự án sản xuất thử nghiệm của tỉnh". Quyết định này gồm 5 chương và 19 điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 6148/2002/QĐ.UB ngày 25/7/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc

THE UNITED STATES OF AMERICA
DEPARTMENT OF JUSTICE
FEDERAL BUREAU OF INVESTIGATION
WASHINGTON, D. C. 20535

MEMORANDUM

TO : SAC, [Redacted]

FROM : [Redacted]

SUBJECT: [Redacted]

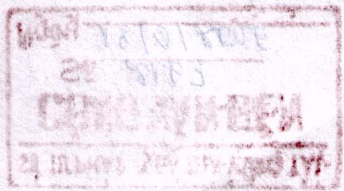
[Redacted]

[Redacted]

[Redacted]

[Redacted]

[Redacted]



[Redacted]

[Redacted]

ban hành " Quy định tạm thời về việc tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh giai đoạn 2002-2005".

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan và đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- TTr. Tỉnh ủy;
- T.Tr. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo BR- VT;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT-TH.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *Handwritten signature*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



VÕ THÀNH KỲ

QUY ĐỊNH

Về việc tuyển chọn, xét duyệt tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học và công nghệ và dự án sản xuất thử nghiệm của tỉnh.

(Kèm theo Quyết định số 221/2006/QĐ-UBND ngày 12/9/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tuyển chọn, xét duyệt tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện Đề tài khoa học và công nghệ và Dự án sản xuất thử nghiệm của tỉnh là quá trình xem xét đánh giá các Hồ sơ tham gia tuyển chọn nhằm lựa chọn tổ chức và cá nhân chủ trì theo những yêu cầu được nêu trong Quy định này.

Điều 2. Quy định này áp dụng đối với việc tuyển chọn, xét duyệt tổ chức, cá nhân chủ trì Đề tài khoa học và công nghệ và Dự án sản xuất thử nghiệm của tỉnh bao gồm:

- Đề tài khoa học và công nghệ của tỉnh thuộc các chương trình KH&CN, Chương trình khoa học xã hội và nhân văn của tỉnh và các Đề tài độc lập của tỉnh (bao gồm Đề tài nghiên cứu khoa học, Đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các công trình khoa học và công nghệ của tỉnh) - dưới đây gọi tắt là Đề tài;

- Dự án sản xuất thử nghiệm của tỉnh thuộc các Chương trình KH&CN và các Dự án sản xuất thử nghiệm độc lập của tỉnh - dưới đây gọi tắt là Dự án SXTN.

Điều 3. Sở Khoa học và Công nghệ (dưới đây gọi tắt là Sở KH&CN) thông báo tóm tắt về việc tuyển chọn, xét duyệt tổ chức, cá nhân chủ trì Đề tài, Dự án SXTN trên Chương trình của Đài PTTH tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Báo Bà Rịa - Vũng Tàu. Thông báo chi tiết được đăng đầy đủ trên Tập san Thông tin KH&CN tỉnh, trang WEB của Sở KH&CN (<http://www.baria-vungtau.gov.vn/sokhcn>), Báo Khoa học và phát triển.

Điều 4. Mỗi cá nhân không đồng thời chủ trì từ 2 Đề tài của tỉnh trở lên, nhưng có thể đồng thời chủ trì 1 Đề tài và 1 Dự án SXTN của tỉnh hoặc đồng thời chủ trì 2 Dự án SXTN. Mỗi tổ chức, cơ quan (dưới đây gọi là tổ chức) được phép đồng thời chủ trì nhiều Đề tài, Dự án SXTN.

Chương II

ĐIỀU KIỆN THAM GIA TUYỂN CHỌN

Điều 5.

a. Các tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực khoa học và công nghệ của Đề tài, Dự án SXTN đều có quyền tham gia tuyển chọn chủ trì Đề tài, Dự án SXTN.

b. Cá nhân đăng ký tuyển chọn chủ trì Đề tài, Dự án SXTN (làm chủ nhiệm Đề tài, Dự án SXTN) phải có chuyên môn cùng lĩnh vực khoa học và công nghệ với Đề tài, Dự án SXTN đó, phải là người đề xuất ý tưởng chính khi xây dựng Thuyết minh Đề tài, Dự án SXTN và phải đảm bảo đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của Đề tài, Dự án SXTN.

c. Các tổ chức và cá nhân không được tham gia tuyển chọn khi chưa hoàn thành đúng hạn việc quyết toán, hoặc chưa hoàn trả kinh phí thu hồi theo tiến độ của các Dự án SXTN hoặc Đề tài triển khai thực nghiệm.

Chương III

ĐĂNG KÝ THAM GIA TUYỂN CHỌN

Điều 6. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn (dưới đây gọi là Hồ sơ) gồm những văn bản sau đây:

- Đơn đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN theo biểu mẫu quy định (biểu B1-1-ĐONTC.SĐ);

- Thuyết minh Đề tài khoa học xã hội và nhân văn, Đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (gọi tắt là Đề tài KH&XH và Đề tài KH&CN), Dự án SXTN theo mẫu quy định (biểu B1-2-TMKH&XH, B1-2-TMKH&CN và biểu B1-2-TMDA tương ứng);

- Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN (biểu B1-3-LLTC. SĐ);

- Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm Đề tài, Dự án SXTN (biểu B1-4-LLCN);

- Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức và cá nhân đăng ký phối hợp nghiên cứu (biểu B1-5-PHNC) - nếu có phối hợp nghiên cứu.

- Các văn bản pháp lý chứng minh khả năng huy động vốn từ nguồn khác (trong trường hợp tổ chức và cá nhân có kê khai huy động được kinh phí từ nguồn vốn khác).

Điều 7. Tổ chức và cá nhân tham gia tuyển chọn cần gửi 01 bộ Hồ sơ (gồm: 01 bản gốc và 15 bản sao) đến Sở KH&CN, 130 Lý Thường Kiệt, TP. Vũng Tàu (qua Bưu điện hoặc trực tiếp) trong thời hạn quy định.

Bộ Hồ sơ phải được niêm phong và ghi rõ bên ngoài:

- a. Tên Đề tài, Dự án SXTN đăng ký tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì;
- b. Tên và mã số Chương trình KH&CN (nếu thuộc Chương trình);

Tên lĩnh vực khoa học và công nghệ:

- c. Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN;

- d. Họ tên của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm Đề tài, Dự án SXTN và danh sách những người tham gia thực hiện Đề tài, Dự án SXTN:

- Đề tuyển chọn Đề tài KH&CN: ghi đầy đủ như đã kê khai tại mục 22 của Biểu B1-2-TMKHXH Thuyết minh Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn hoặc Biểu B1-2-TMKHCN Thuyết minh Đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tương ứng;

- Đề tuyển chọn Dự án SXTN: ghi đầy đủ như đã kê khai tại mục 11 của Biểu B1-2-TMDA.SĐ Thuyết minh Dự án SXTN.

- e. Liệt kê danh mục tài liệu, văn bản có trong Hồ sơ.

Hồ sơ phải nộp đúng hạn. Ngày nhận Hồ sơ là ngày ghi ở dấu của Bưu điện nơi gửi (trường hợp gửi qua Bưu điện) hoặc dấu "đến" của Văn thư Sở KH&CN (trường hợp gửi trực tiếp).

Điều 8. Trong khi chưa hết thời hạn nộp Hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn có quyền rút Hồ sơ thay Hồ sơ mới, bổ sung hoặc sửa đổi Hồ sơ đã gửi đến cơ quan tuyển chọn. Mọi bổ sung và sửa đổi phải nộp trong thời hạn quy định và là bộ phận cấu thành của Hồ sơ.

Chương IV **TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ**

Điều 9. Giao Sở KH&CN chủ trì việc mở Hồ sơ. Đại diện Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn các cơ quan liên quan và đại diện những tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn được mời tham dự.

Quá trình mở Hồ sơ sẽ được ghi thành biên bản có chữ ký và đóng dấu của Sở KH&CN, chữ ký của đại diện Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn và đại diện tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn (nếu có mặt).

Những Hồ sơ đáp ứng các điều kiện tại các điều 4, điều 5, điều 6, điều 7 và điều 8 của Quy định này sẽ được đưa vào xem xét đánh giá. Trường hợp Hồ sơ

thiếu văn bản pháp lý chứng minh khả năng huy động vốn từ nguồn khác như đã quy định tại gạch đầu dòng (-) thứ 6 của điều 6 Quy định này vẫn được coi là hợp lệ, nhưng không được tính điểm huy động vốn khác.

Điều 10. Việc đánh giá Hồ sơ tham gia tuyển chọn được thực hiện thông qua một Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn giao Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập.

- Việc đánh giá tuyển chọn căn cứ vào Hồ sơ đã đăng ký.

- Việc đánh giá Hồ sơ phải theo những tiêu chuẩn thống nhất được quy định tại Điều 11 của Quy định này.

Điều 11. Việc đánh giá Hồ sơ được tiến hành bằng phương pháp chấm điểm theo các tiêu chí cụ thể tương ứng cho Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, Đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và Dự án sản xuất thử nghiệm, cụ thể như sau :

a. Đánh giá tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài khoa học xã hội và nhân văn:

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
I. Tổng quan tình hình nghiên cứu và luận giải sự cần thiết của đề tài (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 10 của Thuyết minh đề tài)	
1. Mức độ đầy đủ, rõ ràng của việc đánh giá phân tích tình hình nghiên cứu ở trong nước và ở ngoài nước, mức độ cập nhật những thông tin mới nhất về lĩnh vực nghiên cứu	5
2. Đánh giá mặt mạnh, mặt yếu của các công trình nghiên cứu, mức độ làm rõ lịch sử quá trình nghiên cứu vấn đề, mức độ rõ ràng, tính khoa học, cụ thể của việc nêu vấn đề nghiên cứu, luận giải về sự cần thiết phải nghiên cứu đề tài, mức độ cụ thể hoá mục tiêu.	10
II. Cách tiếp cận, nội dung và phương pháp nghiên cứu (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 11,12 và mục 13 của Thuyết minh đề tài)	
3. Tính khoa học, độc đáo của cách tiếp cận nghiên cứu	5
4. Tính đầy đủ, logic, cập nhật và phù hợp của các nội dung nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu tương ứng để đạt mục tiêu của đề tài.	10
5. Mức độ làm rõ nội dung chủ yếu phải đạt được của đề tài.	10
III. Kết quả nghiên cứu dự kiến (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 16,17 và mục 19 của Thuyết minh đề tài)	
6. Tính đầy đủ, hợp lý và mức độ cụ thể hoá sản phẩm đầu ra so với mục tiêu và nội dung nghiên cứu.	5

7. Tính mới, tính sáng tạo (những đề xuất, những giải pháp có tính mới về bản chất, vấn đề nghiên cứu truyền thống nhưng có quan điểm giải quyết mới)	10
IV. Lợi ích của đề tài (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 20 của Thuyết minh đề tài)	
8. Tác động dự kiến (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới) đến ngành, lĩnh vực khoa học: tác động đến xã hội nói chung (đóng góp cho hoạch định chủ trương, chính sách, khả năng chuyển biến nhận thức của xã hội....) khả năng sử dụng thực tế kết quả của nghiên cứu – nêu được địa chỉ áp dụng.	10
9. Dự kiến công bố các công trình ở trong và ngoài nước.	5
10. Dự kiến đóng góp cho đào tạo sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) thông qua việc thực hiện đề tài.	5
11. Mức độ nâng cao năng lực, hoàn thiện kỹ năng nghiên cứu của các cá nhân và tập thể khoa học thông qua việc thực hiện đề tài.	5
V. Tính khả thi của đề tài (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 14,15,21,22, 23 của Thuyết minh đề tài, Dự toán kinh phí chi tiết thực hiện đề tài và các bản tóm tắt hoạt động của tổ chức, Lý lịch khoa học của các cá nhân thực hiện chính đề tài).	
12. Năng lực chuyên môn và thời gian thực tế có thể dành cho nghiên cứu của các cán bộ KH&CN thực hiện chính đề tài.	10
13. Năng lực tổ chức thực hiện (tính khoa học và hợp lý trong bố trí kế hoạch, các mốc phải đạt, khả năng hoàn thành, khả năng hợp tác nghiên cứu....)	5
14. Mức độ xác thực của tổng dự toán kinh phí so với chất lượng và số lượng sản phẩm dự kiến tạo ra, tính hợp lý của việc phân bổ kinh phí cho các nội dung nghiên cứu.	5
Tổng số:	100

b. Đánh giá tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì Đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
I. Tổng quan tình hình nghiên cứu và luận giải sự cần thiết của đề tài (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 10 và mục 11 của Thuyết minh đề tài)	
1. Mức độ đầy đủ, rõ ràng của việc đánh giá, phân tích tình hình nghiên cứu và so sánh sự khác biệt trình độ của sản phẩm, công nghệ ở trong và ngoài nước	5

2. Đánh giá mặt mạnh, mặt yếu của công trình nghiên cứu đã có và những hạn chế của sản phẩm, công nghệ trong nước cần giải quyết, mức độ rõ ràng, tính khoa học, cụ thể của việc luận giải về sự cần thiết phải nghiên cứu đề tài, mức độ cụ thể hoá mục tiêu.	5
II. Cách tiếp cận, nội dung và phương pháp nghiên cứu (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 12,13 và mục 14 của Thuyết minh đề tài)	
3. Tính khoa học, độc đáo, phù hợp của cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu.	5
4. Tính đầy đủ, phù hợp và logic của nội dung nghiên cứu so với mục tiêu (mục tiêu chung và mục tiêu từng giai đoạn)	10
5. Mức độ làm rõ nội dung quan trọng chủ yếu của đề tài.	5
III. Kết quả nghiên cứu dự kiến (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 16, 17 và mục 18 của Thuyết minh đề tài)	
6. Tính đầy đủ, hợp lý và tương thích về số lượng của sản phẩm, kết quả nghiên cứu so với mục tiêu và nội dung nghiên cứu.	5
7. Trình độ KH&CN của sản phẩm, công nghệ dự kiến tạo ra so với trình độ của sản phẩm, công nghệ tương tự trong nước và ngoài nước.	15
8. Tính phù hợp và khả thi của sản phẩm, kết quả tạo ra trong điều kiện Việt Nam.	5
IV. Khả năng ứng dụng và hiệu quả của đề tài (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 18,19,20 và 21 của Thuyết minh đề tài)	
9. Hiệu quả kinh tế- xã hội, tác động KH&CN	5
10. Tính khả thi của các phương án chuyên giao, nhân rộng, thương mại hoá kết quả nghiên cứu.	5
11. Khả năng cạnh tranh của công nghệ của công nghệ hoặc sản phẩm tạo ra so với nhập công nghệ hoặc mua bán sản phẩm tương tự.	5
V. Tính khả thi của đề tài (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 15, 20, 21, 22, 23 của Thuyết minh đề tài, dự toán kinh phí chi tiết thực hiện đề tài và các bản tóm tắt hoạt động của tổ chức, lý lịch khoa học của các cá nhân thực hiện chính đề tài.	
12. Năng lực chuyên môn và thời gian thực tế có thể dành cho nghiên cứu của các cán bộ KH&CN thực hiện chính đề tài.	10
13. Năng lực tổ chức thực hiện (tính khoa học và hợp lý trong bố trí kế hoạch, các mốc phải đạt, khả năng hoàn thành, khả năng hợp tác nghiên cứu...)	5
14. Cơ sở vật chất, hợp tác trong nước và ngoài nước phục vụ đề tài.	5

15. Mức độ xác thực của tổng dự toán kinh phí so với chất lượng và số lượng sản phẩm dự kiến tạo ra, tính hợp lý của việc phân bổ kinh phí cho các nội dung nghiên cứu (đặc biệt là các khoản chi công lao động và mua sắm thiết bị nghiên cứu)	10
Tổng số:	100

c. Đánh giá tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì Dự án SXTN.

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
I. Giá trị công nghệ của dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.1, 14.2, 15.1 và 15.2 của Thuyết minh dự án)	
1. Mức độ hoàn thiện công nghệ của dự án.	10
2. Trình độ công nghệ của sản phẩm, công nghệ chủ yếu của dự án so với trình độ sản phẩm tương tự trong và ngoài nước.	10
II. Phương án triển khai của dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ mục 16 của Thuyết minh dự án)	
3. Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức thực hiện.	5
4. Tính hợp lý, đầy đủ, chính xác của phương án tài chính.	5
5. Tính rõ ràng và khả thi của phương án kinh doanh sản phẩm và khả năng hoàn trả kinh phí thu hồi.	10
III. Tổng đầu tư và lợi ích trực tiếp của dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ phần III, các mục 16.2, 13.2 và 13.3 của Thuyết minh dự án)	
6. Tính hợp lý của tổng đầu tư thực hiện dự án so với kết quả dự kiến tạo ra.	5
7. Lợi ích trực tiếp dự kiến mang lại.	5
IV. Khả năng thương mại và phát triển lâu dài của dự án sau khi kết thúc (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ phần III, các mục 13.5 và mục 16.3 của Thuyết minh dự án)	
8. Khả năng chuyên giao kết quả dự án	5
9. Khả năng chiếm lĩnh thị trường của kết quả dự án ở trong và ngoài nước.	10
10. Khả năng nhận rộng và phát triển lâu dài của dự án ở trong và ngoài nước.	5
V. Năng lực thực hiện dự án (các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.4, 16 và phần III của Thuyết minh dự án và các bản Tóm tắt hoạt động của tổ chức, lý lịch khoa học của các cá nhân thực hiện chính đề tài, dự án)	

11. Năng lực, uy tín, thời gian thực tế có thể dành cho việc thực hiện dự án của cán bộ KH&CN thực hiện chính.	10
12. Cơ sở vật chất, mức độ cam kết của các đối tác trong và ngoài nước hỗ trợ thực hiện dự án.	5
13. Mức độ xác thực của kinh phí đề nghị hỗ trợ so với kết quả và mục đích đầu tư và tính hợp lý của việc phân bổ các khoản chi tương ứng để thực hiện dự án.	5
14. Mức độ cam kết về nguồn tài chính khác (tính khả thi của việc huy động nguồn tài chính khác)	10
Tổng số:	100

Điều 12. Giao Sở KH&CN thành lập Hội đồng KH&CN theo chuyên ngành khoa học (dưới đây gọi là Hội đồng) đề tư vấn đánh giá tuyển chọn, xét duyệt tổ chức, cá nhân chủ trì Đề tài, Dự án SXTN.

Hội đồng có từ 7 đến 11 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên khác (trong đó có hai thành viên phản biện). Thành viên của Hội đồng phải là các chuyên gia có uy tín, khách quan, có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu lĩnh vực khoa học và công nghệ được giao tư vấn tuyển chọn, xét duyệt.

Thành viên Hội đồng gồm:

+ 1/3 là đại diện cho các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan, tổ chức sản xuất kinh doanh sử dụng kết quả KH&CN, các tổ chức khác có liên quan;

+ 2/3 là các nhà KH&CN hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ có liên quan.

Cá nhân đăng ký chủ nhiệm Đề tài, Dự án SXTN và những người tham gia thực hiện Đề tài, Dự án SXTN nào thì không được tham gia Hội đồng tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì Đề tài, Dự án SXTN đó. Trong trường hợp cần thiết, thành viên Hội đồng có thể là cán bộ đang công tác tại tổ chức đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN, nhưng không quá 01 người và không được làm Chủ tịch, Phó chủ tịch hoặc thành viên phản biện.

Hội đồng chịu trách nhiệm về việc tư vấn của mình.

Điều 13. Hội đồng phân công 2 chuyên gia am hiểu sâu lĩnh vực nghiên cứu của Đề tài, Dự án SXTN làm phản biện nhận xét và đánh giá tất cả các Hồ sơ đăng ký tuyển chọn chủ trì thực hiện một (01) Đề tài, Dự án SXTN. Khi cần thiết, Hội đồng kiến nghị Sở KH&CN mời các chuyên gia am hiểu sâu lĩnh vực nghiên cứu Đề tài, Dự án SXTN ở ngoài Hội đồng nhận xét và đánh giá Hồ sơ (các chuyên gia này không bỏ phiếu đánh giá Hồ sơ).

Chuyên gia phản biện có trách nhiệm nghiên cứu, phân tích và so sánh các Hồ

sơ đăng ký tuyển chọn chủ trì thực hiện một (01) Đề tài, Dự án SXTN, tiến hành nhận xét và đánh giá từng Hồ sơ theo từng chỉ tiêu đã nêu tại Điều 11 của Quy định này tương ứng cho từng Đề tài KHXX, Đề tài KHCV và Dự án SXTN, viết bản nhận xét và đánh giá đối với từng Hồ sơ.

Hội đồng tổ chức họp thảo luận, đánh giá bằng cách bỏ phiếu chấm điểm.

Trong trường hợp chỉ có một (01) Hồ sơ tham gia tuyển chọn chủ trì một (01) Đề tài, Dự án SXTN, Hội đồng vẫn tổ chức đánh giá theo các tiêu chuẩn và quy trình nêu trong Quy định này.

Tổ chức, cá nhân được đề nghị trúng tuyển chủ trì Đề tài KHXX, Đề tài KHCV là tổ chức, cá nhân có Hồ sơ được xếp hạng cao nhất, nhưng số điểm trung bình tối thiểu phải đạt 70/100 điểm, trong đó, điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm đối với tiêu chí có điểm tối đa 5 điểm, không dưới 6 điểm đối với tiêu chí có điểm tối đa 10 điểm và không dưới 9 điểm đối với tiêu chí có điểm tối đa 15 điểm.

Tổ chức, cá nhân được đề nghị trúng tuyển chủ trì Dự án SXTN là tổ chức, cá nhân có Hồ sơ được xếp hạng cao nhất, nhưng số điểm trung bình tối thiểu phải đạt 65/100 điểm, trong đó, điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm đối với tiêu chí có điểm tối đa 5 điểm, không dưới 6 điểm đối với tiêu chí có điểm tối đa 10 điểm và không dưới 9 điểm đối với tiêu chí có điểm tối đa 15 điểm.

Hội đồng xếp thứ tự ưu tiên các Hồ sơ đăng ký chủ trì một (01) Đề tài có số điểm trung bình từ 70/100 điểm trở lên, trong đó, điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm đối với tiêu chí có điểm tối đa 5 điểm, không dưới 6 điểm đối với tiêu chí có điểm tối đa 10 điểm và không dưới 9 điểm đối với tiêu chí có điểm tối đa 15 điểm hoặc các Hồ sơ đăng ký chủ trì 1 Dự án SXTN có số điểm trung bình từ 65/100 điểm trở lên, trong đó, điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm đối với tiêu chí có điểm tối đa 5 điểm, không dưới 6 điểm đối với tiêu chí có điểm tối đa 10 điểm và không dưới 9 điểm đối với tiêu chí có điểm tối đa 15 điểm theo các nguyên tắc sau đây:

- Tổng số điểm trung bình theo thứ tự từ cao xuống thấp;
- Ưu tiên điểm của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch, trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt) đối với các Hồ sơ có cùng tổng số điểm trung bình;

Đối với các Hồ sơ có cùng số điểm trung bình, điểm về giá trị khoa học và thực tiễn, điểm của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch, trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt), Hội đồng kiến nghị Sở KH&CN xem xét quyết định.

Trường hợp một Đề tài không có Hồ sơ nào đạt số điểm trung bình từ 70/100 điểm trở lên (hoặc một Dự án SXTN không có Hồ sơ nào đạt số điểm trung bình từ

65/100 điểm trở lên), Đề tài, Dự án SXTN này sẽ không được đưa vào thực hiện trong năm kế hoạch.

Hội đồng thảo luận đề kiến nghị những điểm bổ sung, sửa đổi cần thiết về những nội dung đã nêu trong Thuyết minh Đề tài, Dự án SXTN và khuyến nghị về kinh phí cho việc thực hiện Đề tài, Dự án SXTN hoặc nêu những điểm cần lưu ý trong quá trình hoàn thiện Hồ sơ của tổ chức và cá nhân được lựa chọn.

Hội đồng ghi biên bản đánh giá về các Hồ sơ đã đăng ký tuyển chọn, xét duyệt và kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển.

Phương thức làm việc của Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, xét duyệt tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài khoa học và công nghệ và dự án SXTN của tỉnh được quy định tại Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Chương V **PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ TUYỂN CHỌN**

Điều 14. Một cá nhân tham gia tuyển chọn có các Đề tài được Hội đồng kiến nghị trúng tuyển có quyền đề nghị chọn một (01) Đề tài để chủ trì thực hiện. Trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu về chọn Đề tài để chủ trì thực hiện, cá nhân phải gửi ý kiến bằng văn bản đề Sở KH&CN xem xét quyết định.

Trong trường hợp cá nhân trúng tuyển từ chối Đề tài, Dự án SXTN mình được chọn thì tổ chức, cá nhân có Hồ sơ đạt tổng số điểm trung bình tiếp theo sẽ được thay thế, nhưng vẫn phải bảo đảm đạt từ 70/100 điểm trở lên, trong đó, điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm đối với tiêu chí có điểm tối đa 5 điểm, không dưới 6 điểm đối với tiêu chí có điểm tối đa 10 điểm và không dưới 9 điểm đối với tiêu chí có điểm tối đa 15 điểm - đối với Đề tài và từ 65/100 điểm trở lên, trong đó, điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm đối với tiêu chí có điểm tối đa 5 điểm, không dưới 6 điểm đối với tiêu chí có điểm tối đa 10 điểm và không dưới 9 điểm đối với tiêu chí có điểm tối đa 15 điểm - đối với Dự án SXTN.

Điều 15. Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng, giao Sở KH&CN quyết định tổ chức và cá nhân trúng tuyển.

Giao Sở KH&CN thông báo kết quả tuyển chọn, xét duyệt đến tổ chức, cá nhân trúng tuyển, đến đơn vị quản lý trực tiếp của cá nhân trúng tuyển và thông báo trên tập san Thông tin KH&CN tỉnh và trang Web tại Điều 3.

Điều 16. Tổ chức và cá nhân trúng tuyển có trách nhiệm hoàn chỉnh Hồ sơ Đề tài, Dự án SXTN theo kiến nghị của Hội đồng và gửi Sở KH&CN trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả tuyển chọn.

Sở KH&CN chủ trì phối hợp với Sở Tài chính trong việc thẩm định kinh phí

Thuyết minh của các Đề tài, Dự án SXTN và phê duyệt tổng mức kinh phí cho cả thời gian thực hiện Đề tài, Dự án SXTN.

Quyết định phê duyệt triển khai thực hiện Đề tài, Dự án SXTN của Sở KH&CN là căn cứ pháp lý cho việc ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân trúng tuyển và cấp kinh phí cho việc triển khai thực hiện Đề tài, Dự án SXTN.

Điều 17. Các tổ chức có liên quan và các thành viên Hội đồng phải tuân thủ kỷ luật tuyển chọn, xét duyệt giữ bí mật các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì Đề tài, Dự án SXTN.

Điều 18. Việc lưu giữ các Hồ sơ và tài liệu liên quan đến quá trình đánh giá tuyển chọn được thực hiện theo quy định hiện hành.

Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với các quyết định hành chính và hành vi hành chính của cơ quan tổ chức tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì Đề tài, Dự án SXTN.

Công dân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tuyển chọn, xét duyệt tổ chức và cá nhân chủ trì Đề tài, Dự án SXTN và phương thức làm việc của Hội đồng tuyển chọn, xét duyệt.

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Các cấp quản lý đề tài, dự án SXTN (cấp ban ngành, huyện, thị xã, thành phố) vận dụng Quy định này để áp dụng trong việc tuyển chọn, xét duyệt tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện các đề tài, dự án SXTN thuộc cấp quản lý của mình.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *Handwritten signature*

107 CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



VÕ THÀNH KỶ